

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SA ĐÉC  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 30-6-2022  
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình  
ly hôn và nợ chung .

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Ngô Thị Mỹ Lợi
2. Bà Cao Thị Diệu Hiền

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Kim Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 132/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022; Thụ lý yêu cầu độc lập số 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về ly hôn và nợ chung*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp T, xã Q, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp

*Bị đơn:* Anh Mai Văn T, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp T, xã Q, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng S

Trụ sở: phường L, quận M, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh S1 – P.Giám đốc  
Phòng giao dịch thành phố S.

*Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa. Bị đơn có đơn xét xử vắng mặt.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị H và anh T sau thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm thì chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1993, nhưng không tổ chức đám cưới do hoàn cảnh gia đình khó khăn và cũng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh T nghi ngờ ghen tuông vô cớ cho rằng Chị H có tình cảm với người khác. Ngoài ra, anh T còn thường xuyên đi nhậu, về nhà kiểm chuyện cự cãi và đánh Chị H. Chị H khuyên nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi, chính quyền địa phương cũng mời anh T lên làm việc, anh T cam kết sửa đổi nhưng sau đó vẫn đánh Chị H. Lần gần đây nhất khoảng tháng 3/2022, anh T tiếp tục đánh Chị H gây thương tích ở vùng chân mào. Nay Chị H nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với anh T, tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con tên Mai Văn Tú A, sinh năm 1996 và Mai Văn Tú E, sinh năm 1998. Hai con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không tranh chấp yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H thống nhất có nợ Ngân hàng S tổng số tiền vốn vay là 62.500.000đ, lãi tạm tính đến ngày 20/4/2022 là 755.749đ. Nay Chị H đồng ý cùng anh T liên đới trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S và đồng ý tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 21/4/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mã món vay số 6600000709082771, 6600000716003994.

Đối với khoản nợ 50.000.000đ của Quỹ tín dụng N, không tranh chấp yêu cầu giải quyết, để các bên tự thỏa thuận.

Chị H không có yêu cầu Mai Văn Tú A và Mai Văn Tú E cùng liên đới trả nợ.

***Quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Mai Văn T trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh T và Chị H sau thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm thì chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không tổ chức đám cưới do hoàn cảnh gia đình khó khăn và cũng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến thời gian gần đây thì xảy ra mâu thuẫn do kinh tế gia đình chủ yếu do một mình anh T lo, Chị H ở nhà nội trợ nhưng lại thường xuyên tụ tập bạn bè đi uống cà phê, anh T khuyên nhưng Chị H không nghe nên vợ chồng cự cãi, anh T cũng có đánh Chị H. Sau đó, địa phương có mời vợ chồng lên hòa giải và anh T có cam kết sửa đổi. Thời gian gần đây, vợ chồng thường xuyên cự cãi, Chị H cũng có những lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm gia đình anh T, anh T nóng giận nên có đánh Chị H gây thương tích ở vùng chân mào.

Nay về tình cảm anh T nhận thấy vẫn còn thương Chị H nên không đồng ý ly hôn. Anh T mong muốn vợ chồng hàn gắn tiếp tục chung sống.

- Về con chung: Anh T thống nhất có 02 con tên Mai Văn Tú A, sinh năm 1996 và Mai Văn Tú E, sinh năm 1998. Hai con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: Trường hợp ly hôn, anh T và Chị H tự thỏa thuận, không tranh chấp yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T thống nhất có nợ Ngân hàng S tổng số tiền vốn vay là 62.500.000đ, lãi tạm tính đến ngày 20/4/2022 là 755.749đ. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh T liên đới với Chị H trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S và đồng ý tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 21/4/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mã món vay số 6600000709082771, 6600000716003994.

Anh T không yêu cầu Mai Văn Tú A và Mai Văn Tú E cùng liên đới trả nợ.

Đối với khoản nợ 50.000.000đ của Quỹ tín dụng N, không tranh chấp yêu cầu giải quyết, để các bên tự thỏa thuận.

***Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Strình bày:***

Anh T và Chị H ký hợp đồng của Ngân hàng S –Phòng giao dịch chi nhánh thành phố S nhiều khoản vay cụ thể:

- Ngày 29/11/2016 vay số tiền 12.500.000đ; Ngày 17/9/2017 vay số tiền 15.000.000đ; Ngày 17/8/2018 vay số tiền 15.000.000đ. Tổng cộng là 42.500.000đ, thuộc chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn cho con là Mai Văn Tú E đi học tại Trường Cao đẳng Công thương Thành Phố Hồ Chí Minh. Hiện nay dư nợ tính đến ngày 20/4/2022 là 42.844.544đ (Vốn là 42.500.000đ, lãi tạm tính là 344.544đ) theo món vay số 6600000709082771

- Ngày 17/8/2019, anh T tiếp tục vay số tiền 20.000.000đ, thuộc chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Dư nợ tính đến ngày 20/4/2022 là 20.411.205đ (trong đó vốn là 20.000.000đ, lãi tạm tính là 411.205) theo món vay số 66000007161003994.

Nay Chị H và anh T ly hôn, Ngân hàng S yêu cầu chị Nguyễn Thị Bích H và anh Mai Văn T trả tổng số tiền vốn vay là 62.500.000đ, lãi tạm tính đến ngày 20/4/2022 là 755.749đ. Đồng thời yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 21/4/2022 trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ theo mã món vay số 6600000709082771, 6600000716003994.

Ngân hàng Skhông yêu cầu Mai Văn Tú A và Mai Văn Tú E cùng liên đới trả nợ.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:***

\* Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

\* Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về việc yêu cầu ly hôn anh T. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh T; Con chung đã thành niên nên không xem xét giải quyết; Tài sản chung không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng S, buộc Chị H và anh T liên đới trả cho ngân hàng số tiền vốn vay là 62.500.000đ, lãi tạm tính đến ngày 20/4/2022 là 755.749đ. Đồng thời tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 21/4/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mã món vay số 6600000709082771, 6600000716003994.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H yêu cầu ly hôn anh Mai Văn T. Bị đơn anh T cư trú tại thành phố S nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố S theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Mai Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trường hợp vắng mặt của bị đơn không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích H về việc yêu cầu ly hôn anh Mai Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị H và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, không tổ chức đám cưới và cũng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình.

Lẽ ra, trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay, chị H và anh T phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp. Hơn nữa, trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, giữa chị H và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi và có những lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm nhau. Thậm chí, anh T còn có hành vi bạo lực gia đình, đánh Chị H, gây thương tích ở vùng mắt cho Chị H. Từ đó, dẫn đến tình cảm ngày càng bị tổn thương rạn nứt, không thể hòa giải, hàn gắn. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh T. Về phía anh T xác định còn thương Chị H nên không đồng ý. Tuy nhiên do chị H và anh T không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ. Nên căn cứ Điều 14, 15 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, chấp nhận yêu cầu của Chị H, không công nhận Chị H và anh T là vợ chồng.

[3.2] Về nuôi con chung: Chị H và anh T xác định quá trình chung sống có 02 con tên Mai Văn Tú A, sinh năm 1996 và Mai Văn Tú E, sinh năm 1998. Do hai con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về chia tài sản chung: Chị H và anh T, không tranh chấp yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Xét yêu cầu khởi kiện (độc lập) của Ngân hàng S yêu cầu chị Nguyễn Thị Bích H và anh Mai Văn T trả tổng số tiền vốn vay là 62.500.000đ, lãi tạm tính đến ngày 20/4/2022 là 755.749đ và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 21/4/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mã món vay số 6600000709082771, 6600000716003994.

Hội đồng xét xử xét thấy các khoản vay trên do Chị H và anh T vay trong thời gian sống chung với nhau và mục đích vay để sử dụng cho nhu cầu thiết yếu của gia đình (lo cho con Mai Văn Tú E đi học tại Trường Cao đẳng Công thương Thành Phố Hồ Chí Minh và sửa chữa nhà ở). Do đó, Chị H và anh T có phải trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng S số tiền vốn vay là 62.500.000đ, lãi tạm tính đến ngày 20/4/2022 là 755.749đ và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 21/4/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mã món vay số 6600000709082771, 6600000716003994.

Ngân hàng S, Chị H và anh T không yêu cầu Mai Văn Tú A và Mai Văn Tú E (con Chị H và anh T) cùng liên đới trả nợ nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với khoản nợ 50.000.000đ của Quỹ tín dụng N. Ngày 25/4/2022, Quỹ tín dụng Nhân dân Tân Quy Tây có đơn không tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết và xin không tham gia tố tụng. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp, Quỹ tín dụng Nhân dân Tân Quy Tây sẽ khởi kiện Chị H và anh T bằng vụ án khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*); Chị H và anh T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm (về trả nợ chung) theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của ngân hàng là phù hợp với quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 27, Điều 30, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên Xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Bích H và anh Mai Văn T.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Mai Văn Tú A, sinh năm 1996 và Mai Văn Tú E, sinh năm 1998. Hai con đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Mai Văn T, không tranh chấp yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Mai Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng S số tiền vốn vay là 62.500.000đ, lãi tạm tính đến ngày 20/4/2022 là 755.749đ.

Kể từ ngày 21/4/2022, chị Nguyễn Thị Bích H và anh Mai Văn T còn tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo mã món vay số 6600000709082771 ngày 29/11/2016, ngày 17/8/2018 và mã món vay số 6600000716003994 ngày 17/8/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

**4. Về án phí:**

- Chị Nguyễn Thị Bích H nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng, chị H đã nộp ngày 05/4/2022 theo biên lai thu số 0000715 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ án phí phải nộp.

- Chị Nguyễn Thị Bích H và anh Mai Văn T liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (về nghĩa vụ trả nợ chung) là 3.163.000đ.

- Hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí 1.581.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0000798 ngày 11/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- Tòa án ND Tỉnh DT;
- VKS ND TPSTĐ;
- THA Dân sự TPSTĐ;
- UBND xã T, TPSTĐ;
- Các đương sự;
- Lưu h/s.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***ĐÃ KÝ***

**Nguyễn Thị Thủy**